TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 218 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn và con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/12/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 923/2020/TLST – HNGĐ ngày 30/10/2020 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 11/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ái Bảo N, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp A, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Đồng Hồng P, sinh năm 1983.
Địa chỉ: B, tổ C, khu PL, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị N có mặt; anh P có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ái Bảo N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đồng Hồng P kết hôn với nhau năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Thành. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, anh P thường xuyên nhậu nhẹt. Năm 2015 chị và anh P ly hôn. Anh P thường xuyên tới thăm con, hứa hẹn sẽ thay đổi nên đến năm 2017 chị và anh P kết hôn lại. Tuy nhiên, anh P không hề thay đổi, vẫn thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc. Nay, xác định

không thể sống chung, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Anh chị có 03 cháu tên Đồng Gia Đ, sinh ngày 30/8/2009; Đồng Gia Ng, sinh ngày 28/4/2011; Đồng Phúc Khả H, sinh ngày 13/7/2018. Ly hôn, chị xin nuôi cả 03 con và yêu cầu anh P cấp dưỡng mỗi con 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai ngày 08/12/2020, anh Đồng Hồng P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh có nhậu, gây ra mâu thuẫn. Nay, chị N có đơn xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 03 cháu tên Đồng Gia Đ, sinh ngày 30/8/2009; Đồng Gia Ng, sinh ngày 28/4/2011; Đồng Phúc Khả H, sinh ngày 13/7/2018. Anh đồng ý giao 03 cháu cho chị N nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng 4.500.000đ/tháng cho 03 con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh P được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 03 cháu Đ, Ng, H cho chị N nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/01 tháng/ 01 cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Đồng Hồng P hiện cư trú tại thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nH dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: chị Nguyễn Ái Bảo N khởi kiện xin được ly hôn với anh Đồng Hồng P và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn và con chung".

- Anh P là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các phiên tòa xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ái Bảo N và anh Đồng Hồng P tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành. Đến năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử, cho chị N được ly hôn với anh P bằng bản án số 69/2016/HNGĐ-ST ngày 28/6/2016. Đến năm 2017, chị N và anh P kết hôn lại, có đăng ký tại UBND thị trấn Long Thành. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị N xin được ly hôn.

Anh Đồng Hồng P cũng xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Ái Bảo N và anh Đồng Hồng P là có thật, điều này đều được các bên thừa nhận. Chị N và anh P đều thống nhất ly hôn, nhưng do anh P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành công nhận thuận tình ly hôn được. Do đó, chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, cho chị Nguyễn Ái Bảo N được ly hôn với anh Đồng Hồng P là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 03 cháu tên Đồng Gia Đ, sinh ngày 30/8/2009; Đồng Gia Ng, sinh ngày 28/4/2011; Đồng Phúc Khả H, sinh ngày 13/7/2018.

Chị N và anh P đều thống nhất giao cả 03 cháu cho chị N nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/cháu. Việc thống nhất người trực tiếp nuôi con chung và vấn đề cấp dưỡng sau ly hôn của chị N, anh P là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn. Anh P phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 9; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Ái Bảo N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ái Bảo N được ly hôn với anh Đồng Hồng P.

Về con chung: có 03 cháu tên Đồng Gia Đ, sinh ngày 30/8/2009; Đồng Gia Ng, sinh ngày 28/4/2011; Đồng Phúc Khả H, sinh ngày 13/7/2018.

Giao cháu Đ, Ng, H cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/01 tháng/01 cháu kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0004982 ngày 30/10/2020.

Anh P phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật sân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung